

## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LĂNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017 VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

(Tài liệu phục vụ Kỳ họp lần thứ 4 - HĐND tỉnh khóa XVII)

#### I - KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LĂNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

##### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

*1.1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của địa phương*

a) Các hình thức tuyên truyền, phổ biến: Tổ chức các Hội nghị, mở các chuyên trang, chuyên mục về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên Báo Nghệ An, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; chuyên mục hỏi - đáp (bạn đọc, bạn xem truyền hình...);

b) Các cấp, các ngành chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Triển khai thực hiện kịp thời Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 13/12/2016 của Tỉnh ủy về tuyên truyền thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và nhân rộng điển hình học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh từ nay đến hết năm 2020 và Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 27/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

c) Chỉ đạo thực hiện việc cập nhật, công khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí lên cổng thông tin điện tử của tỉnh, đưa kết quả hoạt động của tỉnh trên bản tin nội bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các báo Trung ương đóng trên địa bàn và báo địa phương.

*1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí của địa phương*

a) Chỉ đạo các Sở, ngành, UBND cấp huyện, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “tăng

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí", Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 31/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017;

b) Giao Thanh tra tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các Sở, ngành, UBND cấp huyện xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2017 theo đúng định hướng của Thanh tra Chính phủ và sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào các cuộc thanh tra;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tiến hành kê khai, tổng hợp kết quả kê khai (và kê khai bổ sung) tài sản, thu nhập cá nhân năm 2016; ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị theo dõi, báo cáo về việc sử dụng tài sản công không đúng quy định, lãng phí; việc tặng quà và nhận quà tặng sai quy định trong dịp Tết Đinh Dậu năm 2017 và các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### **2.1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua việc ban hành chế độ định mức tiêu chuẩn về tài chính**

a) *Việc quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên Ngân sách địa phương*

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, các văn bản hướng dẫn Luật và Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017, HĐND tỉnh khóa XVII đã ban hành Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên Ngân sách địa phương năm 2017 và ổn định đến năm 2020. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên Ngân sách địa phương năm 2017 và ổn định đến năm 2020 làm căn cứ để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

b) *Việc xây dựng, ban hành chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính thuộc thẩm quyền*

UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng thời kỳ, chính sách chế độ nhà nước hiện hành và tình hình thực tiễn địa phương để tham mưu xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn, chế độ về tài chính. Trong thời gian từ 01/12/2016 đến 31/5/2017, HĐND và UBND tỉnh đã xây dựng, ban hành sửa đổi chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính, gồm: 05 Nghị quyết và 06 Quyết định. (*Phụ lục 01*)

c) *Công tác thẩm định và giao dự toán chi NSNN*

Sau khi ban hành Quyết định số 6588/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2017, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2017 cho các đơn vị dự toán. Dự toán chi NSNN năm 2017 đã tính toán đầy đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách mới và thực hiện giảm trừ 10% tiết kiệm chi thường

xuyên theo quy định và 40% nguồn thu để lại đối với các đơn vị có thu để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (*35% đối với ngành y tế sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ*);

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách được giao, Thủ trưởng các ngành, đơn vị thực hiện việc phân bổ dự toán theo đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm tra.

Qua công tác giao dự toán đầu năm đã thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên dành để chi cải cách tiền lương với số tiền: 203,36 tỷ đồng.

*d) Công tác thẩm định và xét duyệt quyết toán năm*

Các đơn vị dự toán cấp I thực hiện xét duyệt quyết toán các đơn vị dự toán cấp dưới, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định. Qua công tác thẩm định quyết toán đã hướng dẫn các cơ quan đơn vị áp dụng đúng các quy định hiện hành về chế độ, định mức, tiêu chuẩn tài chính; đồng thời có nhiều kiến nghị về sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, góp phần quan trọng vào việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính.

*d) Việc áp dụng và cụ thể hóa các chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính vào quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan đơn vị*

Hiện nay, 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã ban hành quy chế phối hợp giữa Thủ trưởng cơ quan và Ban chấp hành công đoàn. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị đã tiến hành ban hành, sửa đổi các quy định về chế độ định mức, tiêu chuẩn về chi tiêu tài chính và sử dụng tài sản công cơ bản chấp hành đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định, coi đây là một công cụ để quản lý tài chính tại đơn vị.

Quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan đơn vị được cơ quan quản lý cấp trên thẩm định trước khi triển khai thực hiện. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài chính đã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy định.

*e) Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện; thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước*

- Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện:

Đối với các đơn vị quản lý hành chính nhà nước: tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị theo quy định. Tổng số đơn vị đã thực hiện giao tự chủ: 198 đơn vị.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: giao tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, toàn tỉnh đã giao: 1.020 đơn vị. Hiện nay các cấp các ngành đang tổ chức triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của

đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

Đến nay, trên toàn tỉnh có 1.272/2.975 đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trả lương qua tài khoản, đạt tỷ lệ 42,7%. Các huyện miền núi chỉ có Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoạt động và chỉ có 1 máy ATM đặt tại trung tâm thị trấn huyện. Do đó, đối tượng hưởng lương từ NSNN là cán bộ xã, giáo viên các trường cách xa địa điểm đặt máy ATM nên còn gặp rất nhiều khó khăn, chưa tổ chức thực hiện được.

## **2.2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác thẩm định giá và quản lý, mua sắm, điều chuyển tài sản công**

### *a) Công tác thẩm định giá*

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/5/2017, Sở Tài chính đã tiến hành định giá tài sản tịch thu của Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục Kiểm lâm, Công an Nghệ An với tổng giá trị là 3,96 tỷ đồng, tăng thu cho ngân sách Nhà nước so với giá khởi điểm là 22 triệu đồng.

### *b) Quản lý, mua sắm, điều chuyển tài sản công*

#### *- Mua sắm tài sản công:*

6 tháng đầu năm 2017, Sở Tài chính thực hiện 01 gói mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung với giá dự toán: 1,947 tỷ đồng, giá trúng thầu: 1,775 tỷ đồng, tiết kiệm ngân sách Nhà nước: 172 triệu đồng.

#### *- Điều chuyển tài sản công:*

+ Số lượng xe ô tô đã điều chuyển: 13 xe. Mục đích sử dụng của đơn vị nhận điều chuyển: xe phục vụ chung, xe phục vụ chức danh, xe chuyên dùng, phục vụ an ninh quốc phòng, thiết bị giảng dạy.

+ Số lượng nhà và tài sản khác đã điều chuyển: 3 công trình với diện tích 1.094m<sup>2</sup>, bao gồm đất, nhà làm việc và nhà ăn tập thể.

*(Phụ lục 02)*

#### *- Thanh lý tài sản công:*

+ Số lượng xe ô tô đã thanh lý: 30 xe, số tiền đã bán: 596,75 triệu đồng.

+ Số lượng nhà và tài sản khác đã thanh lý: 14 công trình với tổng diện tích: 4.102,81m<sup>2</sup>, số tiền đã bán: 653,04 triệu đồng.

*(Phụ lục 03)*

## **2.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng**

### *a) Công tác thẩm định dự án đầu tư*

Tổng số dự án thẩm định trình UBND tỉnh: 64 dự án (trong đó thẩm định dự án mới: 52 dự án; thẩm định điều chỉnh, bổ sung dự án: 12 dự án); tổng mức đầu tư trình thẩm định: 7.386 tỷ đồng; tiết kiệm sau thẩm định: 96 tỷ đồng (đạt 1,3%).

### *b) Công tác thẩm định dự toán*

+ Linh vực Giao thông Vận tải: tổng số dự án đề nghị thẩm định: 203 dự án; tổng giá trị trình thẩm định: 3.385,5 tỷ đồng; tiết kiệm sau thẩm định:

35,47 tỷ đồng (đạt: 1,05%).

+ Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng số dự án đề nghị thẩm định: 17 dự án; tổng giá trị trình thẩm định: 87,307 tỷ đồng; tiết kiệm sau thẩm định: 396 triệu đồng (đạt: 0,45%).

c) Công tác thẩm định dự toán các dự án, đề án mang tính chất chi thường xuyên

Tổng số dự án, đề án đề nghị thẩm định: 06 dự án; tổng kinh phí dự toán đề nghị thẩm định: 26,154 tỷ đồng; tiết kiệm giảm sau thẩm định 2,733 tỷ đồng (đạt 10,45%).

d) Công tác đấu thầu lĩnh vực Giao thông Vận tải

Tổng số gói thầu: 15 gói; tổng giá gói thầu được duyệt: 233,35 tỷ đồng; qua đấu thầu tiết giảm: 1,323 tỷ đồng (đạt: 0,57%).

đ) Trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

Tổng số dự án (công trình) hoàn thành trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 164 dự án; tổng chi phí đầu tư hoàn thành đề nghị quyết toán: 1.699,55 tỷ đồng; chi phí đầu tư tiết kiệm sau thẩm tra: 19,55 tỷ đồng (đạt 1,15%).

#### 2.4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực Thuế

a) Kết quả thu ngân sách Nhà nước

Số thu nội địa tính cân đối trên địa bàn tỉnh đạt 4.964 tỷ đồng, bằng 46,7% dự toán và tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2016.

b) Kết quả thu nợ thuế

Tính đến hết 31/5/2017, đối với khoản tiền thuế nợ đến 90 ngày và tiền thuế nợ trên 90 ngày thời điểm 31/12/2016 bao gồm cả tiền phạt vi phạm hành chính, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp, toàn ngành Thuế thu được 239 tỷ.

Thực hiện đầy đủ việc ban hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp, Cục Thuế Nghệ An đã ban hành được 92.122 lượt thông báo với số tiền chậm nộp gần 59,25 tỷ đồng. Thực hiện 5.012 vụ cưỡng chế nợ thuế với số tiền phải cưỡng chế: 1.611 tỷ đồng. Tổng số tiền nợ thuế thu hồi được qua cưỡng chế nợ thuế: 45 tỷ đồng.

c) Kết quả thanh tra, kiểm tra

Ngành Thuế đã thực hiện thanh tra, kiểm tra tại 529 đơn vị trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 42,31 tỷ đồng; xử phạt hành chính: 13,88 tỷ đồng; đã thu hồi được: 34,59 tỷ đồng.

2.5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác kiểm soát chi qua Kho Bạc nhà nước

Trong 6 tháng đầu năm 2017, qua công tác rà soát, tự kiểm tra: 01 đơn vị chi sai chế độ quy định. Số tiền phải thu hồi qua công tác kiểm soát chi: 62 triệu đồng, đến thời điểm hiện tại đã thu hồi 26 triệu đồng nộp ngân sách. Qua công

tác kiểm soát chi: 02 đơn vị chưa chấp hành đúng quy định. Số tiền từ chối thanh toán: 415 triệu đồng.

Kho bạc nhà nước đã thực hiện 06 cuộc kiểm tra nội bộ, 02 cuộc thanh tra chuyên ngành về thực hiện các quy định về chế độ, định mức tiêu chuẩn nhằm hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo đúng chế độ quy định của Nhà nước.

## **2.6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**

### **a) Quản lý, sử dụng đất**

- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ giao, thuê đất, thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng; kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh thu hồi, gia hạn đối với 24 dự án chậm tiến độ trên địa bàn thành phố Vinh; đang tiến hành kiểm tra 42 dự án.

- Thẩm định phương án sử dụng đất cho 10/11 Công ty nông lâm trường với tổng diện tích 75.705,58 ha đất; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất trả về địa phương của 05 Công ty với diện tích 1.887,06 ha đất.

### **b) Quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản**

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định đóng cửa 124 khu vực mỏ đã hết hạn Giấy phép khai thác tại địa bàn các huyện. Kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh xử phạt 02 Doanh nghiệp khai thác đá xây dựng tại khu vực Lèn Chùa, phường Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai với số tiền hơn 200 triệu đồng. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản đối với 56 Doanh nghiệp trên địa bàn Quỳ Hợp, xử phạt 2,418 tỷ đồng.

- Kiểm tra, đôn đốc và yêu cầu các Doanh nghiệp (100 Giấy phép khai thác khoáng sản) trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện kết luận kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 13/06/2016 của UBND tỉnh Nghệ An; yêu cầu các Doanh nghiệp thực hiện các quy định pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 622/UBND-NN ngày 06/2/2016 và đôn đốc các tổ chức đang nợ tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường, đồng thời tiếp tục xử lý các tổ chức không nộp tiền ký quỹ.

### **c) Quản lý tài nguyên nước, biển và hải đảo**

- Tuyên truyền và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và quản lý tổng hợp, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2017 với 69 tổ chức, doanh nghiệp được kiểm tra.

## **2.7. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**

Thực hiện đúng quy định Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và

Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An, theo đó biên chế công chức, viên chức không vượt quá chỉ tiêu biên chế và tuyển dụng đúng quy định và thẩm quyền.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tinh giản biên chế. Trong 6 tháng đầu năm 2017, toàn tỉnh thực hiện tinh giản biên chế là: 158 người.

Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trên cơ sở ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa và yêu cầu cải cách hành chính. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước như triển khai họp giao ban trực tuyến; mở rộng, nâng cao chất lượng trong việc sử dụng các phần mềm làm việc, góp phần quản lý, sử dụng thời gian lao động hiệu quả.

### **2.8. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Qua công tác thanh tra đã phát hiện tổng giá trị sai phạm 24,755 tỷ đồng, (trong đó kiến nghị thu hồi về cho ngân sách nhà nước 12,747 tỷ đồng và xử lý khác 12,008 tỷ đồng). Kết quả: đã thu hồi về ngân sách 10,084 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 79,11%. Cụ thể:

a) Thanh tra hành chính: Toàn ngành Thanh tra đã thực hiện 126 cuộc thanh tra hành chính tại 386 đơn vị. Qua thanh tra hành chính đã phát hiện 108 đơn vị được thanh tra có vi phạm về kinh tế và kiến nghị xử lý với tổng số tiền là 20,441 tỷ đồng (trong đó kiến nghị thu hồi 8,433 tỷ đồng; kiến nghị giảm giá trị quyết toán, giảm cấp phát vốn và kiến nghị khác 12,008 tỷ đồng). Kết quả: đã thu hồi về ngân sách 5,792 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 68,7%.

b) Thanh tra chuyên ngành: Toàn ngành thực hiện 218 cuộc kiểm tra chuyên ngành tại 1.109 cá nhân và 487 tổ chức. Qua thanh tra đã ban hành 894 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 749 cá nhân và 145 tổ chức với số tiền xử phạt vi phạm là 4,314 tỷ đồng; đã nộp phạt 4,292 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 99,5%.

## **3. Đánh giá kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### **3.1. Ưu điểm**

a) Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã làm cho nhận thức của cán bộ đảng viên, nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, ý thức trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị được cấp phát, mua sắm; sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và đã góp phần tiết kiệm cho NSNN. Thực hiện các quy định về công khai minh bạch chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực như sử dụng ngân sách, mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng... từng bước đi vào nề nếp, nên hạn chế được các vụ việc vi phạm nổi cộm, bức xúc trên địa bàn.

b) Việc đẩy mạnh thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính theo quy định đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong cân đối, điều hành cũng như thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về thu chi Ngân sách, tiết kiệm chi tiêu nhằm tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị, đồng thời giảm gánh nặng ngân sách Nhà nước.

b) Công tác quản lý, sử dụng kinh phí NSNN, mua sắm tài sản công được quản lý, kiểm soát chặt chẽ từ khâu lập dự toán, đến thực hiện dự toán và quyết toán NSNN. Với phương thức thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung góp phần tiết kiệm ngân sách Nhà nước; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước. Thực hiện chi tiêu đúng tiêu chuẩn, định mức chế độ theo quy định, từng bước hạn chế việc bổ sung kinh phí ngoài dự toán.

c) Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng được tăng cường, nhiều công trình trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành, đưa vào sử dụng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc thực hiện các biện pháp THTK, CLP trong quản lý đầu tư xây dựng đã được thực hiện ngay từ khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, phê duyệt đầu tư, đến tổ chức lựa chọn nhà thầu, thi công, và quyết toán công trình.

d) Đối với việc quản lý tài nguyên và môi trường, thực hiện tốt việc rà soát và thu hồi những dự án treo tránh thất thoát và lãng phí ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh kiểm tra xử lý hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác khoáng sản trái phép, tập trung kiểm tra kịp thời các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản, nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

đ) Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện nghiêm túc, đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong việc cụ thể hoá hồ sơ, trình tự thủ tục về quản lý, sử dụng ngân sách và đầu tư XDCB theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước đã đạt được một số hiệu quả nhất định; góp phần cải cách hành chính; hướng tới chính quyền điện tử; hỗ trợ các cơ quan, đơn vị quản lý và điều hành một cách hiệu quả; giúp người dân, doanh nghiệp rút ngắn thời gian xử lý công việc.

e) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng ngân sách và mua sắm tài sản công đã được tăng cường, qua đó đã phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm, đồng thời kiến nghị khắc phục những sơ hở, bất cập về cơ chế chính sách, pháp luật hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và mua sắm tài sản công trên địa bàn của tỉnh.

### **3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **a) Tồn tại, hạn chế**

- Việc tuyên truyền phổ biến Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013 ở một số xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa có các biện pháp cụ thể dẫn tới hiệu quả chưa cao. Một số đơn vị chưa nghiêm túc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dẫn đến báo cáo chậm, chưa đầy đủ nội dung, số liệu theo yêu cầu.

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập triển khai còn chậm. Một số đơn vị chấp hành chưa tốt các quy định về định mức, chế độ, gây lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách. Trong quá trình triển khai mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung, việc đăng ký nhu cầu mua sắm của các đơn vị còn chậm so với quy định và sai sót còn nhiều, thời gian đăng ký mua sắm tập trung chưa phù hợp.

- Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Việc quản lý tiến độ thi công của một số chủ đầu tư không đảm bảo thời gian theo dự án phê duyệt và hợp đồng ký kết nhưng không báo cáo cấp thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

- Công tác phối hợp giữa một số cơ quan liên quan, nhất là UBND các cấp huyện, xã trong kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, khoáng sản còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được chú trọng nhưng chưa được đồng bộ và quyết liệt.

- Công tác chỉ đạo đấu tranh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuy đã được UBND tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn. Số vụ việc lãng phí phát hiện từ công tác tự kiểm tra, phát hiện từ đơn vị, cơ sở chưa nhiều.

#### b) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế chưa đồng bộ; một số quy định chưa sát thực tế nhưng chưa được bổ sung, sửa đổi kịp thời.

+ Sự bất cập của thủ tục thanh toán, cơ chế thanh toán bằng tiền mặt cũng là nguyên nhân trong việc thất thoát, lãng phí.

+ Hệ thống văn bản pháp luật về đầu tư công, về xây dựng, đầu thầu mới được ban hành nên một số đơn vị triển khai còn lúng túng.

+ Mặc dù Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đã ban hành nhưng đây chỉ là Nghị định khung, nên việc quy định cơ chế tự chủ một số ngành, lĩnh vực chưa đầy đủ. Đồng thời, các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chưa đồng bộ.

+ Một số quy định trong mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung chưa thực sự đồng bộ và thống nhất.

+ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đối lĩnh vực tài nguyên và môi trường ban hành không đồng bộ, thường xuyên thay đổi, chồng chéo, một số còn thiếu tính nhất quán, thiếu tính đồng bộ... gây khó khăn công tác quản lý và nhiều quy định chưa giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong tình hình thực tế của địa phương (nhất là các lĩnh vực đất đai và khoáng sản).

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ tính chất nghiêm trọng nguy hại của lãng phí nên còn thiếu kiểm tra đôn đốc. Công tác tham mưu,

hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có nơi, có lúc chưa được thường xuyên.

+ Vai trò tiên phong gương mẫu của người đứng đầu một số cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa phát huy hết vai trò giám sát của cán bộ, công nhân viên trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Nhận thức về mục tiêu, yêu cầu của một số đơn vị và cán bộ công chức chưa đúng với tinh thần đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập. Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập còn lúng túng, e ngại trong chuyển đổi cơ chế hoạt động sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nhất là tự chủ về tài chính.

+ Nhận thức về mua sắm tập trung của nhiều tổ chức, cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ.

+ Một số chủ đầu tư năng lực quản lý bộc lộ những yếu kém hoặc chưa quyết liệt trong chỉ đạo, dẫn đến: kiểm tra giám sát công trình chưa thường xuyên, chậm nghiệm thu khối lượng hoàn thành, chậm lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, chậm đưa công trình vào khai thác sử dụng gây lãng phí.

+ Một số đơn vị cấp huyện, xã chưa nhận thức đầy đủ về tính quan trọng, quy định pháp lý và trách nhiệm của mình ở một số lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường. Một số doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản chưa đầu tư các công nghệ khai thác hiện đại, nên hiệu quả khai thác khoáng sản thấp.

+ Các cấp, ngành chưa phát huy hết vai trò giám sát của nhân dân trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **II - PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG CUỐI NĂM NĂM 2017**

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, trong thời gian tới UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Tiếp tục phổ biến, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013, Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ, Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường THTK, CLP đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của địa phương.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị, bao gồm:

- Đẩy nhanh tiến độ và thực hiện nghiêm túc cơ chế giao quyền tự chủ về tài chính đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp trên toàn tỉnh. Xây dựng các định mức, tiêu chuẩn về chi tiêu tài chính và sử dụng tài sản công trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính công.

- Thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trên địa

bàn tinh Nghệ An theo đúng quy định.

- Thực hiện có hiệu quả, nghiêm túc công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trên các lĩnh vực: Ngân sách, mua sắm tài sản, đầu tư XDCB, quy hoạch, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản.

3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đổi mới tư duy về quản lý đầu tư theo văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến hoạt động đầu tư công. Thực hiện nghiêm các quy trình, quy định của Luật đầu tư công. Tăng cường giám sát cộng đồng, thông báo các chủ đầu tư và các nhà thầu làm tốt, chưa tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường; khuyến khích ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào công tác quản lý và khai thác tài nguyên. Rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra kiểm tra quản lý sử dụng NSNN, quản lý tài sản công, thực hiện nghiêm túc cơ chế đầu tư công, xử lý nghiêm các vi phạm về tài nguyên và môi trường. Tập trung xử lý tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến quản lý thực hiện cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước.

6. Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2017.

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017 trên địa bàn tỉnh Nghệ An./Huy

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (đề b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (đề b/c);
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh VP, PVP.KT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH (Thương), KT (Nam).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Đại**

**PHỤ LỤC 01**

**DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ CHIẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC, TIÊU CHUẨN VỀ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số: 357 /BC-UBND ngày 6 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản
I	<b>Nghị quyết của HĐND tỉnh</b>	
1	30/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, ôn định đến năm 2020
2	52/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định mức hỗ trợ xây dựng cảnh đồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 54/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016
3	55/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
4	57/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đại phó Đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017 - 2020.
5	57/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; Tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An
II	<b>Quyết định của UBND tỉnh</b>	
1	71/2016/QĐ-UBND ngày 7/12/2016	Quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyển truyền lưu động, Đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An
2	76/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, ôn định đến năm 2020
3	88/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	Quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; Tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An
4	26/2017/QĐ-UBND ngày 24/1/2017	Mức hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm Y tế và chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng vi-rút HIV cho người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An
5	31/2017/QĐ-UBND ngày 25/2/2017	Quy định đổi tượng, mức thu, tổ chức thu và chế độ quản lý, sử dụng chi phí duy tu, tái tạo kêt cấu hạ tầng Khu C, Khu công nghiệp Nam Cát thuộc khu kinh tế Đông Nam Nghệ An
6	32/2017/QĐ-UBND ngày 25/2/2017	Quy định đổi tượng, mức thu, tổ chức thu và chế độ quản lý, sử dụng chi phí duy tu, tái tạo kêt cấu hạ tầng Khu B, Khu công nghiệp Nam Cát thuộc khu kinh tế Đông Nam Nghệ An

**PHỤ LỤC 02**

**TỔNG HỢP CÁC TÀI SẢN ĐÃ ĐIỀU CHUYỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số: 35 /BC-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Đơn vị điều chuyển	Đơn vị nhận điều chuyển	Loại tài sản	Diện tích (m2)/ Mục đích sử dụng của đơn vị nhận	Giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán (đồng)
I	Xe ô tô				8.755.801.893	4.114.633.506
1	Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An	Nhà khách Nghệ An	37A1466	Xe phục vụ chung	428.400.000	0
2	Văn phòng Tỉnh uỷ Nghệ An	Chuyển sang nhóm xe chuyên dùng	80B 0037	Xe chuyên dùng	460.000.000	0
3	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Nghệ An	Chuyển sang nhóm xe phục vụ chức danh	37A2288	Xe phục vụ chức danh	865.000.000	403.666.667
4	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Du lịch	37A 0939	Xe phục vụ chung	629.800.000	0
5	Bộ Tài chính	Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường	37A 00427	Xe phục vụ chung	1.022.000.000	854.000.000
6	Bộ Tài chính	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh	37A 1675	Xe chuyên dùng	1.235.235.413	617.617.647
7	Bộ Tài chính	Chi cục Quản lý thị trường	(xe mới)	Xe chuyên dùng	1.136.000.000	1.136.000.000
8	Bộ Tài chính	Ban quản lý dự án ngành NN và PTNT	37A 1702	Xe phục vụ chung	644.996.000	150.477.000
9						

8/2

10	UBND tỉnh Nghệ An	Tỉnh đoàn Nghệ An	37A 7979	Xe phục vụ chung	482.520.480	193.008.192
11	Tỉnh đoàn Nghệ an	Chi cục Quản lý thị trường	37A 6778	Xe chuyên dùng	764.460.000	391.880.000
12	UBND huyện Nghi Lộc	Ban chỉ huy quân sự huyện Nghi Lộc	37A 6679	Phục vụ an ninh quốc phòng	613.308.000	367.984.000
13	Ban quản lý chợ Vinh	Trường TC nghề KT-KT công nghiệp Vinh	37H 1072	Thiết bị giảng dạy	270.000.000	0
<b>II Nhà và tài sản khác</b>					<b>1.746.881.880</b>	<b>1.449.182.060</b>
1	Chi cục Thi hành án dân sự Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	Đất	600	493.890.000	493.890.000
2			Nhà	222	493.890.000	196.190.180
3	Tổng đội TNXP 9	UBND huyện Con Cuông	Nhà làm việc và nhà ăn tập thể	272,34	759.101.880	759.101.880
	<b>Tổng Cộng</b>			<b>1.094,34</b>	<b>10.502.683.773</b>	<b>5.563.815.566</b>

đ/c

**PHỤ LỤC 03**

**TỔNG HỢP TÀI SẢN ĐÃ THANH LÝ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số: 15/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Nghệ An)

T T	Tên đơn vị	Loại tài sản	Năm xây dựng/ mua sắm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá trị nguyên giá theo sổ sách kê toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kê toán (đồng)	Số tiền đã bán (đồng)
<b>I Xe ô tô</b>							
1 Khu Điều dưỡng Thương binh Tâm thần kinh	Khu Điều dưỡng Thương binh Tâm thần kinh	37A 0566	1996		525.300.000	0	6.000.000
2 Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghiệp - Thủ công nghiệp	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghiệp - Thủ công nghiệp	37A 0329	1993		440.000.000	0	10.500.000
3 Trung tâm Phòng chống sốt rét - ký sinh trùng và côn trùng	Trung tâm Phòng chống sốt rét - ký sinh trùng và côn trùng	37A 0356	1996		539.586.400	0	36.750.000
4 Nhà khách Nghệ An I	Nhà khách Nghệ An I	37A 0461	1990		268.308.000	0	31.500.000
5 Bệnh viện Da khoa huyện Diễn Châu	Bệnh viện Da khoa huyện Diễn Châu	37A 3556	2001		805.321.000	0	153.000.000
6 UBND thị trấn Quỳnh Phụ	UBND thị trấn Quỳnh Phụ	37A 0457	1996		420.654.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
7 UBND thị trấn Quỳnh Phụ	UBND thị trấn Quỳnh Phụ	37A 1236	2007		157.000.000	13.737.000	29.400.000
8 Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương	Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương	37H 7996	2001		337.399.000	0	69.000.000
9 Bệnh viện Đô Lương	Bệnh viện Đô Lương	37A 0103	1996		307.700.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
10 Ban QLDA bệnh viện Hữu nghị Da khoa tỉnh	Ban QLDA bệnh viện Hữu nghị Da khoa tỉnh	37A 1369	1994		661.000.000	0	31.600.000
11 Tổng đội 1	Tổng đội 1	37A 1680	2008		160.000.000	74.624.000	33.000.000
12 Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	37A 1296	2003		262.000.000	52.295.200	70.000.000
13 Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	37A 0735	1997		416.846.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
					442.280.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý

15	Trung tâm đào tạo huấn luyện TDTT	37A 1359	2001	420.000.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	37A 2466	2003	389.505.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
17	Huyện ủy Quέ Phong	37A 1376	2004	521.220.000	69.496.000	Đang làm thủ tục thanh lý
18	Dài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	37A 3888	2005	573.800.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
19		37A 1648	2002	366.000.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
20	UBND huyện Tân Kỳ	37A 0928	2001	372.000.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
21	UBND huyện Anh Sơn	37A 0952	2003	Không xác định được do khi Dự án bàn giao không có hồ sơ tài liệu	0	31.500.000
22		80B 1707	1997	466.570.000	0	94.500.000
23	Sở Ngoại vụ	37A 5679	2002	556.920.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
24	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	37A 0679	1998	420.821.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
25	Trung tâm Hồ trợ, Tư vấn Tài chính	37A 0459	1996	420.000.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
26	Bảo tàng Nghệ An	37A 0844	2001	311.980.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
27	Hạt Kiểm lâm huyện Nam Đàn	37A 0895	2002	316.098.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
28	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu	37N 8695	1993	175.000.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
29		37N 6751	1991	115.000.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý

30	TT Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân	37A 0469	1997	665.650.000	0	Đang làm thủ tục thanh lý
<b>II Nhà và tài sản khác</b>						
1	Nhà làm việc	1993	130	125.525.381	0	Đang làm thủ tục thanh lý
2	Tổng đội 1					
3	Nhà làm việc 2 tầng	2006	260	645.463.000	387.277.800	Đang làm thủ tục thanh lý
4	Trường Tiểu học Trung Đô	1988	120	Không theo dõi	33.720.000	
5	Trung tâm giáo dục lao động xã hội Vinh	1993	1029,92	1.381.407.000	583.890.250	Đang làm thủ tục thanh lý
6	Nhà trạm hat kiểm lâm Quế Phong	Nhà làm việc hành chính	2007	195	435.587.156	Đang làm thủ tục thanh lý
7	UBMT tổ quốc tình	Nhà sàn gỗ	2004	73,15	242.164.000	Đang làm thủ tục thanh lý
8		Nhà kho cất giữ hàng cứu trợ	2012	120	243.931.000	Đang làm thủ tục thanh lý
9	Hạt kiểm lâm Quỳ Hợp	Nhà ở tập thể	1984	73,12	72.586.700	Đang làm thủ tục thanh lý
10		Nhà ở nội trú	1981	151,47	137.430.900	Đang làm thủ tục thanh lý
11		Nhà hội trường	1980	213,15	135.495.200	Đang làm thủ tục thanh lý
12	Hạt kiểm lâm Quỳ Châu	Nhà trạm Châu Thắng	2003	100	71.315.000	Đang làm thủ tục thanh lý
13		Nhà trạm Châu Bình	1992	74	80.856.000	Đang làm thủ tục thanh lý
14	UBND huyện Tuong Dương	Công trình phụ	1995		14.463.000	Đang làm thủ tục thanh lý
	<b>Tổng Cộng</b>	Nhà làm việc 3 tầng	1996	1563	3.550.000.000	Đang làm thủ tục thanh lý
				<b>4.102,81</b>	<b>18.970.182,737</b>	<b>1.740.028.416</b>
						<i>đã</i>